



Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

4. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

a) Các chuyên ngành (Specialization):

- 4.1. Khoa học máy tính (Computer Science)
- 4.2. Kỹ thuật máy tính (Computer Engineering)
- 4.3. Hệ thống thông tin (Information Systems)
- 4.4. Công nghệ phần mềm (Software Engineering)
- 4.5. Truyền thông và mạng máy tính (Communication and Computer Networks)
- 4.6. Công nghệ thông tin (Information Technology)
- 4.7. An toàn thông tin (Information Security)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm

Số TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học quốc tế		Tạp chí	- SCI, SCIE có IF $\geq$ 2, scopus Q1, Q2 - SCI, SCIE có IF <2, scopus Q3, Q4	0 – 2,0 0 – 1,5
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác, có chỉ số ISSN		Tạp chí	Do HĐGS ngành quyết định từng trường hợp cụ thể.	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 – 1,0
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN.	0 – 0,5
	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia Nghiên cứu cơ bản và Ứng dụng Công nghệ Thông tin (FAIR)			Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN.	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019
5.	Tin học và Điều khiển học	1813–9663	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2020

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

6.	Journal on Electronics and Communications	1859–378X	Tạp chí	Hội Vô tuyến-điện tử Việt Nam	0 – 1,0 0 – 0,75 từ 2019
7.	Journal of Computer Science and Telecommunications Engineering	0866–8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia HN	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019
8.	Journal on Information Technologies & Communications (Research, Development and Application on Information & Communication Technology)	1859–3534	Tạp chí	Bộ Thông tin và Truyền thông	0 – 1,0 0 – 0,75 từ 2020
9.	Công nghệ Thông tin & Truyền thông (Chuyên san “Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông”)	1859–3526	Tạp chí	Bộ Thông tin và Truyền thông	0 – 1,0 0 – 0,5 từ 2020
10.	Khoa học và Kỹ thuật (Chuyên san CNTT-TT)	1859–0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự	0 – 0,5
11.	Khoa học Công nghệ Thông tin và Truyền thông	2525-2224	Tạp chí	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	0 – 0,5 từ 2020
12.	An toàn thông tin (Chuyên san Nghiên cứu KH&CN trong lĩnh vực an toàn thông tin)	2615-9570	Tạp chí	Ban Cơ yếu Chính phủ	0 – 0,5 từ 2020
13.	Acta Mathematica Vietnamica	0251–4184	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2020
14.	Vietnam Journal of Mathematics	0866–7179	Tạp chí	Hội Toán học Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2020
15.	Ứng dụng Toán học	1859–4492	Tạp chí	Hội Toán học Việt Nam	0 – 0,5
16.	Khoa học và Công nghệ	0866–708X	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2020
17.	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859–0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TPHCM	0 – 0,5
18.	Advances in Natural Sciences	0866–708X	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 trước 2019

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

19.	Khoa học và Công nghệ các trường ĐH kỹ thuật	2354–1083	Tạp chí	- Trường ĐHBK Hà Nội; - Trường ĐH Bách khoa – ĐH Quốc gia TP. HCM; - ĐH Đà Nẵng; - Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM; - Trường ĐH KTCN – Đại học Thái Nguyên; - HV Công nghệ BCVT.	0 – 0,5
20.	Tạp chí Khoa học của các cơ sở giáo dục đại học		Tạp chí	- Đại học Thái Nguyên - Đại học Huế - Đại học Đà Nẵng - Trường Đại học Cần Thơ - Trường ĐH Sư phạm HN - Trường ĐH Sư phạm TPHCM - Trường Đại học Vinh - Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự - Trường Đại học Đà Lạt	0 – 0,5

c) Sách (text book, monograph) của NXB: Elsevier, Springer-Nature, Wiley, Taylor & Francis, có chỉ số ISBN

